

MỘT SỐ VẤN ĐỀ
KIẾN NGHỊ VỀ

CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM

• TRẦN THÀNH THỌ

Doanh nghiệp Nhà nước không phải chỉ là một loại hình doanh nghiệp riêng có của các nước có nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, mà nó tồn tại ở hầu hết các nước, mặc dù có sự khác biệt về quy mô và phạm vi hoạt động. Ở nhiều nước đang thực hiện chuyển đổi kinh tế sang thị trường (Đông Âu, Nga, Trung Quốc, Cu Ba). Khu vực kinh tế Nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập quốc dân; nhưng nhiều doanh nghiệp của khu vực này hoạt động không hiệu quả. Vì vậy cải cách doanh nghiệp Nhà nước là vấn đề căn bản của quá trình cải cách kinh tế ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi.

• CỔ PHẦN HÓA KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG VÔ TRÁCH NHIỆM TRONG QUẢN LÝ DN

Ở Việt Nam, khu vực doanh nghiệp Nhà nước chiếm khoảng 40% tổng GDP của đất nước và đang nắm giữ những vị trí quan trọng trong nền kinh tế, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả. Theo đánh giá của Văn phòng Chính phủ, cho đến cuối năm 2003, cả nước có 4296 doanh nghiệp Nhà nước với tổng số vốn là 189 ngàn tỷ đồng với vốn bình quân khoảng 45 tỷ đồng một doanh nghiệp. Tuy nhiên trong tổng số các doanh nghiệp Nhà nước, tỷ trọng doanh nghiệp có quy mô nhỏ còn chiếm khá lớn khoảng 47% với mức vốn dưới 5 tỷ đồng. Năm 2003 chỉ có khoảng 77% doanh nghiệp Nhà nước làm

ăn có lãi, và trong số những doanh nghiệp có lãi này, khoảng 60% là có mức lãi ngang với mức lãi suất huy động vốn ngân hàng, thực chất là không có lãi. Tốc độ phát triển của khu vực doanh nghiệp Nhà nước là thấp hơn nhiều so với khu vực tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ở Việt Nam. Tình trạng nợ xấu, nợ quá hạn của các doanh nghiệp Nhà nước cũng là vấn đề lớn. Tính đến đầu quý I/2003, khối lượng nợ tồn đọng của khối doanh nghiệp Nhà nước là 3645 tỷ đồng, và nếu cộng cả khu vực ngân hàng thương mại Nhà nước thì tổng số nợ đọng của toàn bộ khu vực là 13435 tỷ đồng. (VietnamNet, 15/03/2004).

Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là một nội dung quan trọng của tiến trình cải cách khu vực doanh nghiệp Nhà nước. Về thực chất nội dung cơ bản của quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước là quá trình đa dạng hóa sở hữu các tài sản ở các doanh nghiệp của khu vực này. Ở nhiều nước, nhất là khu vực Đông Âu và Nga, quá trình chuyển đổi sở hữu này được thực hiện với nội dung cơ bản là tư nhân hóa.

Ở Việt Nam và Trung Quốc, tiến trình chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp Nhà nước được thực hiện với nội dung cơ bản là cổ phần hóa. Cổ phần hóa là quá trình đa dạng hóa sở hữu mà ở đó, tài sản của Nhà nước được chuyển thành tài sản thuộc sở hữu của một tập thể các thể nhân bao gồm: Nhà nước, người lao động thuộc doanh nghiệp và các cổ đông bên ngoài.

Về mặt lý thuyết việc đa dạng hóa sở hữu thông qua cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước, có thể khắc phục được tình trạng vô trách nhiệm trong quản lý kinh doanh của doanh nghiệp, làm cho hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp này được cải thiện thông qua chế độ làm việc trách nhiệm và chế độ khuyến khích vật chất dưới dạng lợi tức cổ phần.

Tiến trình cổ phần hóa được bắt đầu khởi xướng vào năm 1992, và sau một số năm thử nghiệm, vào năm 1996 Chính phủ đã ban hành Nghị định số 28/CP ngày 7/5 năm 1996 về cổ phần hóa doanh

nh nghiệp Nhà nước nhằm xác định quy trình cổ phần hóa. Sau khi Nghị định 28/CP được ban hành, tiến trình cổ phần hóa được thực hiện trên quy mô rộng khắp ở hầu hết tất cả các ngành và địa phương, nhưng chưa được triển khai một cách quyết liệt như là một nhiệm vụ cấp bách, vì vậy kết quả của tiến trình cổ phần hóa sau đó không đạt như kết quả mong đợi.

Nhằm thúc đẩy quá trình cổ phần hóa hơn nữa, vào năm 1998, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 20/TTg về đẩy mạnh tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, và đồng thời Chính phủ cũng ban hành Nghị định 44/CP thay thế Nghị định 28/CP với nhiều ưu đãi và khuyến khích cũng như những giải pháp quyết liệt hơn đối với việc cổ phần hóa.

• CÁC BIỆN PHÁP ĐẨY MẠNH CỔ PHẦN HÓA

Nhìn chung tiến trình cổ phần hóa giai đoạn sau Nghị định 44/CP có phần tiến triển tích cực hơn trước đó, tuy nhiên tiến trình cổ phần hóa có xu hướng chậm lại.

Có hàng loạt khó khăn làm cho quá trình cổ phần hóa dậm chân tại chỗ, bao gồm những khó khăn có tính chất kỹ thuật như định giá tài sản, giải quyết vấn đề công ăn việc làm cho người lao động... Tuy nhiên, khó khăn có tính chất đường lối là đối tượng doanh nghiệp để tiến hành cổ phần hóa. Cải cách doanh nghiệp Nhà nước không có nghĩa là chuyển đổi tất cả các doanh nghiệp Nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, mà Nhà nước cũng cần thiết phải nắm một số doanh nghiệp có tính chất cơ bản. Như vậy vấn đề là cần phải có định hướng những loại hình doanh nghiệp Nhà nước cần thiết thực hiện cổ phần hóa, và từ đó xác định các bước tiến hành cổ phần hóa. Nghị quyết Trung ương 3 (khóa IX), sau đó là Quyết định 125/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2003 và Quyết định số 155/2004/QĐ-TTg ngày 28/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ về phân loại doanh nghiệp Nhà nước một lần nữa đặt ra các giải pháp thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa với

những giải pháp mạnh mẽ hơn. Ví dụ theo Quyết định 155/2004 thì Nhà nước cũng chỉ nắm giữ 100% vốn Nhà nước với 8 ngành quan trọng thay vì 36 ngành như trước đây. Như vậy, lĩnh vực cổ phần hóa được mở rộng hơn đối với các doanh nghiệp Nhà nước.

Cùng với việc xác định và mở rộng đối tượng thực hiện cổ phần hóa, một loạt các biện pháp cụ thể thực hiện cổ phần hóa cũng đã được xác định chi tiết. Trước đây, cổ phần hóa chủ yếu thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô nhỏ với mức vốn dưới 10 tỷ đồng, và nếu trên 10 tỷ đồng thì phải được sự đồng ý của Thủ tướng Chính phủ, nhưng theo những quy định gần đây, vấn đề quy mô tài chính doanh nghiệp không còn là một ràng buộc, và các Tổng công ty Nhà nước với mức vốn hàng trăm tỷ đồng cũng thuộc đối tượng cổ phần hóa. Những quy định gần đây cũng làm cho tính công khai minh bạch trong cổ phần hóa được cải thiện. Theo Nghị định 64/2002 của Chính phủ, doanh nghiệp cổ phần hóa được quy định phải bán tối thiểu 30% tổng số cổ phần cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp, và quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp cũng được quy định phải công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Những thay đổi về chính sách cũng như những giải pháp quyết liệt về mặt chính trị, kinh tế đối với quá trình cổ phần hóa đã làm cho nhịp độ cổ phần hóa các doanh nghiệp Nhà nước tăng lên đáng kể trong thời gian gần đây.

Tuy nhiên thành quả lớn nhất của quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước trong những năm qua chính là việc cải thiện hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp đã thực sự hoạt động kinh doanh năng động hơn, tích cực tìm hiểu, nghiên cứu thị trường, cải tiến máy móc thiết bị cũng như nâng cao năng lực quản lý, và vì vậy, tình hình kinh doanh có bước phát triển. Theo số liệu tổng hợp từ quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp do Ban Chỉ đạo cải cách và phát triển doanh nghiệp, trong số 850 doanh nghiệp mới được cổ phần hóa, hầu hết các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả hơn. Vốn điều lệ tăng

trung bình 44%, doanh thu tăng 23,6%, lợi nhuận tăng bình quân 139,7%, trên 90% công ty có lãi, nộp ngân sách tăng 24,9%, thu nhập bình quân đầu người tăng 12%, lao động tăng 6,6%, và trên 70% doanh nghiệp có mức lãi cổ tức cao hơn lãi suất huy động của các ngân hàng thương mại. (Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp, 2005).

● MỘT SỐ VẤN ĐỀ KIẾN NGHỊ VỀ CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC HIỆN NAY

- Cổ phần hóa chưa được thực hiện ở những lĩnh vực căn bản nhất của khối doanh nghiệp Nhà nước: Những tiến bộ của quá trình cổ phần hóa trong hai năm 2003 và 2004 là rất đáng khích lệ, nhưng vấn đề tiến độ cổ phần hóa so với mục tiêu đặt ra vẫn là một thách thức lớn. Hiện nay quá trình cổ phần hóa mới hoàn thành cho khoảng 60% số doanh nghiệp trong diện phải cổ phần hóa.

- Cổ phần hóa vẫn chưa có sự tham gia sâu rộng của các tầng lớp xã hội: Cổ phần hóa trong các doanh nghiệp Nhà nước chưa huy động được nguồn lực về vốn về con người. Thực sự, trong các doanh nghiệp Nhà nước đã được cổ phần hóa như đã trình bày ở trên, Nhà nước vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo về vốn cổ phần, sau đó là người lao động, Việc tham gia của các cá nhân hoặc tổ chức xã hội bên ngoài doanh nghiệp còn hạn chế.

- Tiến trình cổ phần hóa vẫn chưa được thực hiện triệt để và thủ tục còn phức tạp: Tiến trình cổ phần hóa chưa được thực hiện một cách đồng đều ở tất cả các ngành, các địa phương cũng như ở các tổng công ty. So với mục tiêu cũng như theo đề án đưa ra, nhiều địa phương, ngành, tổng công ty vẫn có tốc độ thực hiện khá chậm, và kết quả rất thấp, nhiều đề án mới chỉ thực hiện được khoảng 15-30% số doanh nghiệp, Tổng công ty 91 hiện nay vẫn còn chưa cổ phần hóa được một doanh nghiệp nào.

Việc tiến hành cổ phần hóa cũng được đánh giá là quá phức tạp mất nhiều thời gian (một năm rưỡi cho một doanh nghiệp địa phương, ngành, khoảng gần 2 năm cho một doanh nghiệp thuộc



Cty phụ tùng máy số 1 Thái Nguyên

- Ảnh Hoàng Luật

tổng công ty). Tất nhiên việc đánh giá tài sản doanh nghiệp để tiến hành cổ phần hóa là một công việc phức tạp và không thể hoàn thành thiếu những đánh giá thận trọng, đơn giản hóa các thủ tục, giảm bớt những thủ tục không cần thiết.

Tiến trình cổ phần hóa ở Việt Nam trong những năm qua với những giải pháp và điều chỉnh thích hợp đã đạt được những thành quả quan trọng. Tuy nhiên, tiến trình này vẫn đòi hỏi phải được giành nhiều nỗ lực hơn nữa để đảm bảo đạt mục tiêu về cả số lượng và chất lượng công tác cổ phần hóa. Thực tế yêu cầu phải có những giải pháp mạnh mẽ hơn nữa. Việc giảm bớt sự dãn trải về vốn cũng như kiểm soát của Nhà nước trên những lĩnh vực không quan trọng, áp dụng những biện pháp hành chính, chế tài đối với những doanh nghiệp không thực hiện cổ phần hóa, khuyến khích hơn nữa sự tham gia của các tầng lớp xã hội vào tiến trình cổ phần hóa, và đơn giản hóa, chuẩn hóa những thủ tục cổ phần hóa là những giải pháp quan trọng cần được thực hiện đầy nhanh tiến trình cải cách doanh nghiệp Nhà nước Việt Nam ■